BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 05: Từ 10/02 Đến 16/02/2025

LỚP			62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVS4	62TVVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 2 10/02	Sáng	1					HDHNTN 12_2 Chu Thị Tính (H5.201)			HDHNTN 12_2 Chu Thị Tính (H5.201)			HDHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	HDHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HDHNTN 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.101)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HDHNTN 12_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.101)		HDHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		HDHNTN 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)				
		2																									
		3					Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)		Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.102)				
		4					Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)			Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)				Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)			Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)								
		5											Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	CCD Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCD Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)		CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)		Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)				
	Chiều	6	HDHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HDHNTN 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)		HDHNTN 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.101)		HDHNTN 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	HDHNTN 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.101)								HDHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		HDHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)		HDHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.103)	HDHNTN 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.103)		HDHNTN 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)
		7																									
		8	CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)		Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)								Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)		Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)		Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)
		9	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.407)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.101)		Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.101)									Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.302)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)		Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.103)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.103)		Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.302)
		10	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)												Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)		
Thứ 3 11/02	Sáng	1	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Toán 12_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)		
		2	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.104)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.104)				Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)			Toán 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)			Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)				Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.304)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.304)		
		3					Lịch sử 12_2 Lưu Yên Ngọc (H5.201)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)	Lịch sử 12_2 Lưu Yên Ngọc (H5.201)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.101)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.101)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)				
		4	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)			Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.201)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.106)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.203)	Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.204)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.101)		CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)	Toán 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)		
		5	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)				CCD Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)			CCD Toán học 12_2 Nguyễn Văn Trường (H5.106)					Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)		Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)						
	Chiều	6			Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)														Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)									Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)
		7																									
		8			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.102)														CCD Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)									CCD Toán học 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)
		9			Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.102)														Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)									Toán 12_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)
		10																									
Thứ 4 12/02	Sáng	1	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.104)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.104)					Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.203)	CCD Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)				Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	CCD Toán học 12_2 Kim Thành Nam (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		2	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.104)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.104)									Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	CCD Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	CCD Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		3	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)					Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)			Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)				Lịch sử 12_2 Lưu Yên Ngọc (H5.306)	Lịch sử 12_2 Lưu Yên Ngọc (H5.306)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.201)
		4	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.104)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.104)					Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)				Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.301)	CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.304)		
		5	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)					Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)			Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.203)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)				Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.306)		Lịch sử 12_2 Lưu Yên Ngọc (H5.201)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)				Lịch sử 12_2 Lưu Yên Ngọc (H5.201)
	Chiều	6			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Lịch sử 12_2 Lưu Yên Ngọc (H5.302)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)		Lịch sử 12_2 Lưu Yên Ngọc (H5.302)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.202)					Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.101)			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.101)									
		7					Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)																	
		8			Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.102)	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)		Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)					Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.101)									
		9			Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)		Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.202)					Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)			Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.101)									
		10			CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)			Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.302)																	

LỚP			62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVGK1	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVS4	62TVVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 5 13/02	Sáng	1																									
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.407)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.102)	Vật lý 12_2 Chu Thị Tính (H5.102)		Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)			Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.202)			Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.103)	Địa lí 12_2 Dương Thị Hồng (H5.103)	Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.101)			Hoá học 12_2 Nguyễn Thu Trang (H5.101)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)					Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.302)
		7																				Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)					
		8	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.407)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)			Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)					Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.302)
		9			Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.102)								Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)	Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)							Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)					
		10	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.407)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.102)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)					CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.101)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)					Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)
Thứ 6 14/02	Sáng	1					Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)			Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.102)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)		
		2					CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.201)														Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 12_2 Lê Thị Thảo (H5.304)		
		3					CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	CCĐ Toán học 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)	CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.204)		Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 12_2 Lưu Yến Ngọc (H5.306)			Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		CCĐ Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		
		4					Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Toán 12_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.204)		Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)			Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.102)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)	Ngữ văn 12_2 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		
		5							CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)			CCĐ Ngữ văn 12_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.203)															
	Chiều	6																									
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									
Thứ 7 15/02	Sáng	1																									
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6																									
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 05: Từ 10/02 Đến 16/02/2025

LỚP			62TVVP2	62TVVP3	63TDC1	63TDC2	63TDC3	63TDC4_YL	63TDC5_YL	63TDC6_YL	63TDC7_YL	63TDC8_BX	63TDC9_BX	63TDH1_YL	63TDH2_YL	63TDL1	63TDL2	63TDT1	63TDT2	63TDT3_VT	63TDT4_VT	63TGK1	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 2 10/02	Sáng	1	HDHNTN 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		HDHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)															HDHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		HDHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	
		2			Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)															Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)		Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.303)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	
		3	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)																								
		4			Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)															Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)		CCD Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	
		5	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)			CCD Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCD Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)																	Vật lý 11_2 Pham Thanh Mai (H5.303)			
	Chiều	6		HDHNTN 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)																							
		7																									
		8		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)																							
		9		Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)																							
		10																									
Thứ 3 11/02	Sáng	1	Lịch sử 12_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)															Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)		Lịch sử 11_2 Lưu Viên Ngọc (H5.303)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	
		2				CCD Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)	CCD Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.307)																		Tin 11_2 Võ Lê Thu (H5.401)	Tin 11_2 Võ Lê Thu (H5.401)	
		3	Sinh học 12_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)															Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)			
		4	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)	Địa lí 12_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)															Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)		Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.401)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.401)	
		5	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.301)		CCD Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)																	CCD Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)					
	Chiều	6																									
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									
Thứ 4 12/02	Sáng	1	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)	Toán 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	Vật lý 11_2 Pham Thanh Mai (H5.307)	Vật lý 11_2 Pham Thanh Mai (H5.307)															Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		Lịch sử 11_2 Lưu Viên Ngọc (H5.303)	CCD Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	CCD Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	
		2	CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)		Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)																	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)		Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	
		3	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	CCD Toán học 12_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)															Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.407)			Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.401)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.401)	
		4	Địa lí 12_2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.301)	CCD Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thuỷ (H5.103)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)															Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)		Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.401)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.401)	
		5		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)																	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)					
	Chiều	6																									
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									

LỚP			62TVVP2	62TVVP3	63TDC1	63TDC2	63TDC3	63TDC4_YL	63TDC5_YL	63TDC6_YL	63TDC7_YL	63TDC8_BX	63TDC9_BX	63TDH1_YL	63TDH2_YL	63TDL1	63TDL2	63TDT1	63TDT2	63TDT3_VT	63TDT4_VT	63TGK1	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TKT4_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 5 13/02	Sáng	1			HDHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)															HDHNTN 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		HDHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)																							
		7		Hoá học 12_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)																							
		8		Vật lý 12_2 Nguyễn Thị Vân (H5.303)																							
		9		Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thị Thanh Thuỷ (H5.303)																							
		10		Lịch sử 12_2 Lê Thị Quyên (H5.303)																							
Thứ 6 14/02	Sáng	1	Vật lý 12_2 Phạm Thanh Mai (H5.301)		CCD Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)															CCD Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)		Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.401)	
		2			Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)																	Vật lý 11_2 Nguyễn Thị Vân (H5.407)					
		3	Hoá học 12_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)															Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.407)		Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	
		4	Ngữ văn 12_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)																					CCD Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)			
		5			Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)															Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.407)		Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)	CCD Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	CCD Hóa học 11_2 Nguyễn Thu Trang (H5.401)	
	Chiều	6																									
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									
Thứ 7 15/02	Sáng	1																									
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6																									
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 05: Từ 10/02 Đến 16/02/2025

LỚP			63TKTS_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TDC1	64TDC2	64TDC3_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 2 10/02	Sáng	1			HDHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)			HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HDHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HDHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			HDHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HDHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HDHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HDHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)						
		2			Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.303)						
		3								Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)			CCD Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	CCD Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)				Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)								
		4			Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.402)			Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hằng (H5.404)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hằng (H5.404)					Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	CCD Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	CCD Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Tin 11_2 Nguyễn Thị Hường (H5.402)			CCD Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)						
		5								Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)					Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)		CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)						
	Chiều	6																				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	
		7																				CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCD Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	
		8																				Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	
		9																				CCD Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)				
		10																				Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	
Thứ 3 11/02	Sáng	1			Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)			Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	CCD Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	CCD Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Hóa học 11_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)						
		2						Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.404)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.404)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.406)			CCD Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	CCD Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)													
		3			Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)					Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Toán 11_2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoà (H5.302)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoà (H5.302)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)						
		4			Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)			Toán 11_2 Nguyễn Thị Hồng (H5.404)	Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Tin 11_2 Vũ Lê Thu (H5.406)	Tin 11_2 Vũ Lê Thu (H5.406)					Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Toán 11_2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.402)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)	Tin 11_2 Phan Hoàng Lan (H5.403)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.303)						
		5						CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)					Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)													
	Chiều	6																				Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	
		7																				Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)					
		8																				Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	CCD Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	CCD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	
		9																				Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)		Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	
		10																					CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		
Thứ 4 12/02	Sáng	1			Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)			Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)			Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoà (H5.302)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoà (H5.302)	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)						
		2						Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)					Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)		Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoà (H5.403)	Địa lý 11_2 Trần Thị Thanh Hoà (H5.403)	Toán 11_2 Kim Thành Nam (H5.303)						
		3			Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)			Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.406)			Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 11_2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)									
		4			CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)			Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	CCD Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Lịch sử 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)						
		5			Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)			CCD Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)	CCD Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)			Toán 11_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.403)								
	Chiều	6																				Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	
		7																									
		8																				Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	CCD Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)	CCD Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	
		9																				CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hoà (H5.402)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)	
		10																				Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)		CCD Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)			

LỚP			63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4	64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TDC1	64TDC2	64TDC3_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 5 13/02	Sáng	1			HDHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)			HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HDHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HDHNTN 11_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)			HDHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HDHNTN 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Văn Thành (H5.302)	HDHNTN 11_2 Chu Văn Quang (H5.402)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HDHNTN 11_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HDHNTN 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)						
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6																				Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	CCD Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	
		7																					Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)				
		8																				Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	
		9																				Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	
		10																				Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)			Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)		
Thứ 6 14/02	Sáng	1			Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)			Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)			Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)						
		2																									
		3			Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)			Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)	CCD Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	CCD Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)			Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Địa lý 11_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.402)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Ngữ văn 11_2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)						
		4			Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)			Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 11_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)	Toán 11_2 Hà Thị Duyên (H5.406)					CCD Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	CCD Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lê Thị Quyên (H5.402)			CCD Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.303)						
		5			CCD Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)			Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lý 11_2 Chu Thị Tính (H5.404)					Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 11_2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	Lịch sử 11_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.302)	CCD Hóa học 11_2 Trần Thị Hằng (H5.402)	CCD Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCD Hóa học 11_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Vật lý 11_2 Phạm Thanh Mai (H5.303)						
	Chiều	6																				HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									
Thứ 7 15/02	Sáng	1																									
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6																									
		7																									
		8																									
		9																									
		10																									

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 05: Từ 10/02 Đến 16/02/2025

LỚP			64TDC4_YL	64TDH1	64TDH2_YL	64TDL1	64TDP1	64TDT1	64TDT2	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLG1	64TMT1	64TQM1	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																							
Thứ 2 10/02	Sáng	1																							
		2																							
		3																							
		4																							
		5																							
	Chiều	6		HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)		HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)		HD trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)		HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)	HD trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.201)
		7		CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)		CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	CCD Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		8		Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)		Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)		Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	CCD Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	CCD Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)
		9		Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.401)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)		CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)			Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)		Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	CCD Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.201)
		10		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)			Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.203)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)				Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)		
Thứ 3 11/02	Sáng	1																							
		2																							
		3																							
		4																							
		5																							
	Chiều	6		Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)		CCD Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	CCD Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)		Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Anh Vân (H5.201)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Anh Vân (H5.201)
		7		CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)			Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)				CCD Hóa học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)		Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)			Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Văn Trường (H5.404)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)			
		8		Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)		CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.401)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)		Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	CCD Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.402)	CCD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		9				Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)				Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)			
		10		Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)							Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.203)		CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)		Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)					CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.201)
Thứ 4 12/02	Sáng	1													Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2024(N04) Nguyễn Thị Hường (H3.107_CNTT)	Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2024(N04) Nguyễn Thị Hường (H3.107_CNTT)	Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2024(N06) Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)	Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-2-2024(N06) Phan Hoàng Lan (H3.108_CNTT)							
		2																							
		3																							
		4																							
		5																							
	Chiều	6		CCD Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)		Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)	Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	CCD Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)		Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.406)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.402)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Vật lí 10_2 Chu Thị Tính (H5.404)	Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.301)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)
		7		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)							Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)						Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.404)								
		8				CCD Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	CCD Vật lý 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	CCD Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)			Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.406)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)	CCD Vật lý 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)
		9		Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)		Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)	CCD Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.401)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Hoá học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Vật lí 10_2 Phạm Thanh Mai (H5.203)				Địa lí 10_2 Trần Thị Thanh Hóa (H5.402)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	CCD Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)		CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tính (H5.403)	Ngữ văn 10_2 Trần Thị Kim Liên (H5.306)		
		10		Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.203)			CCD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	CCD Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.203)		Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)					Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	CCD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)		Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.403)		CCD Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	CCD Hóa học 10_2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)

LỚP			64TDC4_YL	64TDH1	64TDH2_YL	64TDL1	64TDP1	64TDT1	64TDT2	64TKT1	64TKT2	64TKT3_BX	64TLG1	64TMT1	64TQM1	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																							
Thứ 5 13/02	Sáng	1																							
		2																							
		3																							
		4																							
		5																							
	Chiều	6		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)		Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.401)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Lịch sử 10_2 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.402)	Vật lí 10_2 Pham Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Văn Bảy (H5.404)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.301)		Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.403)	CCD Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)	Lịch sử 10_2 Lê Thị Quyên (H5.201)
		7							CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)										CCD Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)				Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.306)		
		8		Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.203)		Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)	Địa lí 10_2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.401)	CCD Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Ngữ văn 10_2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Công nghệ 10_2 Phan Thanh Đạt (H5.203)		Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.406)	CCD Hóa học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.307)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 10_2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	CCD Sinh học 10_2 Lê Thị Thảo (H5.304)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.301)		Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.403)		CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tỉnh (H5.201)	CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tỉnh (H5.201)
		9		Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)			Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)		CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tỉnh (H5.304)	Địa lí 10_2 Dương Thị Hồng (H5.204)	Hoá học 10_2 Trần Thị Hằng (H5.203)				Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.402)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			CCD Vật lý 10_2 Chu Thị Tỉnh (H5.304)	Công nghệ 10_2 Hồ Sĩ Khương (H5.301)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.403)	Vật lí 10_2 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	CCD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	CCD Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)
		10				Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)		Ngữ văn 10_2 Tạ Thị Bích Hồng (H5.401)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)				Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Hoá học 10_2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Công nghệ 10_2 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.402)		Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Ngữ văn 10_2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Toán 10_2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Vật lí 10_2 Chu Thị Tỉnh (H5.403)		Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)	Toán 10_2 Hà Thị Duyên (H5.201)
Thứ 6 14/02	Sáng	1																							
		2																							
		3																							
		4																							
		5																							
	Chiều	6		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.401)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.406)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.301)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tỉnh (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tỉnh (H5.201)
		7																							
		8																							
		9																							
		10																							
Thứ 7 15/02	Sáng	1																							
		2																							
		3																							
		4																							
		5																							
	Chiều	6																							
		7																							
		8																							
		9																							
		10																							